

Số: 143/QĐ-STC

Vĩnh Long, ngày 13 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu ước thực hiện dự toán
ngân sách quý I năm 2018

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND, ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ công văn số 3586/UBND-KTTH ngày 06/9/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc thực hiện công khai ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Ngân sách Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu ước thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2018 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng Sở, phòng Tin học Thống kê, phòng Quản lý Ngân sách và các phòng liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

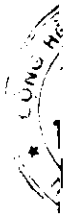


Lê Thị Nhung

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số: 143/QĐ-STC ngày 13/4/2018 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I, NĂM 2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI %	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN	5.770.130	1.557.202	26,99	77,17
I	Thu cân đối NSNN	5.770.130	1.557.202	26,99	80,78
1	Thu nội địa	5.085.130	1.419.202	27,91	73,62
2	Thu từ đầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	685.000	138.000	20,15	153,30
4	Thu viện trợ	-			
II	Thu chuyên nguồn từ năm trước chuyển sang	-			
B	TỔNG CHI NSDP	8.309.969	1.170.042	14,08	91,59
I	Chi cân đối NSDP	7.236.574	994.042	13,74	83,02
1	Chi đầu tư phát triển	2.946.360	181.864	6,17	82,67
2	Chi thường xuyên	4.142.738	812.178	19,60	83,39
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	400	-	-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	-	-	
5	Dự phòng ngân sách	126.420	-	-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ	1.073.395	176.000	16,40	220,00
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	43.800	-	-	



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số: 143/QĐ-STC ngày 13/4/2018 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I, NĂM 2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI %	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	5.770.130	1.557.202	26,99	77,17
I	Thu nội địa	5.085.130	1.419.202	27,91	73,62
1	Thu từ khu vực DNNN	1.192.000	285.967	23,99	68,07
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	240.000	47.108	19,63	66,25
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	905.000	154.550	17,08	92,02
4	Thuế thu nhập cá nhân	335.400	90.840	27,08	81,57
5	Thuế bảo vệ môi trường	320.000	65.383	20,43	67,81
6	Lệ phí trước bạ	145.000	32.520	22,43	136,49
7	Thu phí, lệ phí	65.000	31.068	47,80	183,89
8	Các khoản thu về nhà, đất	328.730	56.264	17,12	86,35
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.730	1.063	15,79	49,42
-	Thu tiền sử dụng đất	200.000	35.379	17,69	89,13
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	120.000	17.375	14,48	76,48
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	2.000	2.447	122,35	413,34
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.000	50	2,50	
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	10.000	-	-	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.395.000	629.701	45,14	75,61
12	Thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	-	-		
13	Thu khác ngân sách	147.000	25.751	17,52	21,11
II	Thu từ đầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	685.000	138.000	20,15	153,30
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	630.000	110.624	17,56	135,91
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu	43.000	21.676	50,41	446,93
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	12.000	5.444		144,33
6	Thu khác		256		8.533,33
IV	Thu viện trợ		-		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	5.085.130	1.419.202	27,91	74,20
1	Từ các khoản thu phân chia	2.985.400	464.919	15,57	54,74
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	2.099.730	954.283	45,45	89,75

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số: 143 /QĐ-STC ngày 13/4/2018 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I, NĂM 2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI %	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	8.353.769	1.170.042	14,01	91,59
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	7.280.374	994.042	13,65	83,02
I	Chi đầu tư phát triển	2.990.160	181.864	6,08	82,67
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.373.160	181.864	7,66	82,67
2	Chi trả nợ gốc	43.800	-	-	-
3	Chi đầu tư phát triển khác	573.200	-	-	-
II	Chi thường xuyên	4.142.738	812.178	19,60	83,39
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.897.311	405.684	21,38	96,59
2	Chi khoa học và công nghệ	36.874	3.992	10,83	66,53
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	385.748	56.868	14,74	86,16
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	46.566	9.288	19,95	116,10
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	15.891	1.882	11,84	94,86
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	28.722	4.911	17,10	106,85
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	86.817	10.000	11,52	71,43
8	Chi sự nghiệp kinh tế	368.294	49.056	13,32	119,65
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	752.931	165.504	21,98	97,36
10	Chi bảo đảm xã hội	282.585	83.234	29,45	92,48
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	400	-	-	-
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	-	-	-
V	Dự phòng ngân sách	126.420	-	-	-
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.073.395	176.000	16,40	220,00
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	78.535	-	-	-
2	Cho các chương trình, dự án quan trọng vốn đã	729.143	118.136	16,20	147,67
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	265.717	57.864	21,78	-

H.C.A
SỞ
CHÍNH
VĨNH LONG

BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSDP QUÍ I NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số: 143/QĐ-STC ngày 13/4/2018 của Sở Tài chính)

I. Thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quý I năm 2018: 1.557.202 triệu đồng, đạt 26,99% so dự toán, giảm 22,83% so ước thực hiện cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Thu nội địa: 1.419.202 triệu đồng, đạt 27,91% so dự toán năm, giảm 26,38% so cùng kỳ năm trước.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 138.000 triệu đồng, đạt 20,15% so dự toán, tăng 53,30% so cùng kỳ năm trước.

(Chi tiết theo Biểu số 60/CK-NSNN)

Những nguyên nhân giảm thu trong quý I/2018 so cùng kỳ 2017 là do nguồn thu quý I/2017 tăng đột biến như thực hiện kết luận của Thanh tra Bộ tài chính: 190.442 triệu đồng (Công ty XSKT là 178.553 triệu đồng; Đài phát thanh truyền hình là 11.889 triệu đồng); Một số đơn vị lớn có số nộp quý I/2018 thấp hơn so quý I/2017.

II. Chi ngân sách:

Dự toán ngân sách năm 2018, cơ bản đáp ứng được những nhu cầu chi thiết yếu của các Sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố và dành nguồn tài chính hợp lý thực hiện một số chủ trương như thực hiện các chính sách về kinh phí bảo trợ xã hội, bảo hiểm y tế cho người nghèo...

Trong 3 tháng đầu năm 2018 ước tổng chi ngân sách địa phương: 1.170.042 triệu đồng, đạt 14,01% so dự toán đầu năm, giảm 8,41% so cùng kỳ năm trước.

(Chi tiết theo Biểu số 61/CK-NSNN)

Trong đó:

1. Chi từ nguồn cân đối ngân sách địa phương ước quý I đạt: 994.042 triệu đồng, đạt 13,65% so dự toán, giảm 16,98% so cùng kỳ năm trước, cụ thể:

1.1 Chi đầu tư phát triển:

Ước thực hiện quý I năm 2018 là: 181.864 triệu đồng, đạt 6,08% dự toán năm và giảm 17,33% so cùng kỳ năm trước do: các công trình/dự án đã hoàn thành cuối năm 2016 nhưng đến đầu 2017 mới giải ngân làm cho chi đầu tư phát triển quý I/2018 giảm so với quý I/2017.

1.2 Chi thường xuyên:



Ước thực hiện quý I năm 2018 là: 812.178 triệu đồng, đạt 19,60% dự toán năm và giảm 16,61% so cùng kỳ năm trước.

2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương ước quý I đạt: 176.000 triệu đồng, đạt 16,40% dự toán năm, tăng 120% so cùng kỳ năm trước.

2.1 Chi cho các chương trình, dự án quan trọng vốn đầu tư: 118.136 triệu đồng, đạt 16,20% dự toán và tăng 47,67% so cùng kỳ năm trước do địa phương tập trung giải ngân vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương theo quy định.

2.2 Chi cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên: 57,864 triệu đồng, đạt 21,78% dự toán năm (năm 2017 không có bố trí chi thường xuyên từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương).

Nhìn chung ước thực hiện quý I/2018 giảm so cùng kỳ quý I/2017 do: một số khoản chi lớn phát sinh trong quý I năm 2017 như kinh phí trồng mới cây xanh 20.000 triệu đồng (năm 2018 phát sinh trong quý II), kinh phí chi trả dịch vụ công ích 5.821 triệu đồng (chi trả kinh phí xử lý rác cho Công ty Phương Thảo năm 2017 nhưng năm 2018 không còn chi trả)...

Trên đây là số liệu thuyết minh tình hình ước thực hiện thu, chi ngân sách địa phương quý I năm 2018./.